

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1317/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 703/2020/TLST – HNGĐ ngày 24/7/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 428/2020/QĐXXST -HNGĐ ngày 01/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn NA, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 69/4 đường số A, khu phố B, phường LĐ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn* Ông Nguyễn QĐ, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 69/4 đường số A, khu phố B, phường LĐ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn NA trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn QĐ tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01 do UBND phường Linh Đông cấp ngày 06/8/2015. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà: 69/4 đường số 35, khu phố 2, phường Linh Đông, ban đầu cuộc sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn, nhưng khoảng 1 năm gần đây vợ chồng thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm dẫn đến xô xát, mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng qua một thời gian vợ chồng lại cãi vã nhau. Tại Tòa án bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn QĐ

- Bà Nguyễn NA có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/12/2020 vì lý do bận công việc không thể tham gia phiên tòa.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn AN (Nữ), sinh ngày: 18/3/2016. Sau ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn: Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Đông, quận Thủ Đức thì: Đương sự Nguyễn QĐ có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại: 69/4 đường số A, khu phố B, phường LĐ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn QĐ đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Trung, quận Thủ Đức thì bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ số: 69/4 đường số 35, khu phố 2, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn NA và ông Nguyễn QĐ tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01 do UBND phường Linh Đông cấp ngày 06/8/2015. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào theo trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà Nguyễn NA và ông Nguyễn QĐ kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vì không thể giải quyết được mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn nên bà Nguyễn NA yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn QĐ đã không còn, không còn sự quan tâm đến nhau, không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa nên bà kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; vì lý do bận công việc bà có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn QĐ cũng đã được Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú, triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn NA. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa theo thủ tục pháp luật quy định và tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều này cho thấy ông Nguyễn QĐ cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn NA

Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì nguyên đơn trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân bà Nguyễn NA và ông Nguyễn QĐ hiện tại đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định con tên Nguyễn AN(Nữ), sinh ngày: 18/3/2016 là con chung của bà Nguyễn NA và ông Nguyễn QĐ, nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, bị đơn ông Nguyễn QĐ không có ý kiến gì về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho bà Nguyễn NA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn NA

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn NA và ông Nguyễn QĐ.

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn AN (Nữ), sinh ngày: 18/3/2016 cho bà Nguyễn NA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn NA phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0057461 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Nguyễn NA đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thị hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang